

PHỤ LỤC 3

Mục tiêu: Xây dựng 11 chỉ số đo lường chất lượng Trung tâm Y tế (*Phòng KHNV, phòng TC-HC, phòng Điều Dưỡng, khoa Khám bệnh, khoa KSNK, khoa Nội tổng hợp-Nhiễm, khoa Ngoại tổng hợp, khoa CSSKSS, khoa Nhi, khoa HSCC*).

A. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN					KHOA, PHÒNG PHỤ TRÁCH	KHOA, PHÒNG PHỐI HỢP	BỘ PHẬN PHỤ TRÁCH	DỰ KIẾN KINH PHÍ
		QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	CẢ NĂM				
1	Chỉ số 1: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến khám chữa bệnh		X		X	X	P. KHNV	Các khoa LS	BS Hải	Theo dự hiện kinh phí triển khai của các khoa
2	Chỉ số 7: Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	X	X	X	X		Khoa Khám bệnh	K. XN-CDHA, P.KHNV	Tổ QLCL	
3	Chỉ số 8: Thời gian nằm viện trung bình tại khoa	X	X	X	X	X	Các khoa LS báo cáo	P.KHNV	Tổ QLCL	
4	Chỉ số 9: Công suất sử dụng giường bệnh thực tế tại khoa		X		X	X	Các khoa LS báo cáo	P.KHNV	Tổ QLCL	
5	Chỉ số 11: Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về	X	X	X	X		P.KHNV	Các khoa LS	Tổ QLCL	
6	Chỉ số 13: Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	X	X	X	X		K.KSNK	Các khoa LS	Tổ QLCL	
7	Chỉ số 14: Tỷ lệ viêm chủng phòng viêm gan B trong NVYT		X		X	X	P. TCHC	Các khoa, phòng	BS Chiến	
8	Chỉ số 15: Tỷ lệ hài lòng của NVYT	X	X	X	X		P.TCHC	Các khoa, phòng	BS Chiến	
9	Chỉ số 16: Tỷ lệ hài lòng của NB Nội trú và Ngoại trú đối với dịch vụ khám, chữa bệnh	X	X	X	X		P.ĐD	Các khoa LS	ĐD Trang	
10	Chỉ số: Cơ sở y tế Xanh-Sạch-Đẹp		X		X	X	P.TCHC	Các khoa, phòng	BS Ron	
11	Chỉ số: Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế, xây dựng cơ sở y tế Xanh Sạch Đẹp, giảm thiểu chất thải nhựa, công khai tài chính hướng tới sự hài lòng người bệnh			X		X	P.KHNV, K.KSNK, P.TCHC, P.TCKT, P. ĐD	Các khoa, phòng	P.KHNV	

B. BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN	KHOA, PHÒNG PHỤ TRÁCH	KẾT QUẢ	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Chỉ số 1: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến khám chữa bệnh	6 tháng/lần	P. KHNV	Tỷ lệ cụ thể thực hiện KTCM 6 tháng/lần		
2	Chỉ số 7: Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	Quý/lần	K.KB	Thời gian khám bệnh trung bình NB mỗi quý		
3	Chỉ số 8: Thời gian nằm viện trung bình tại khoa	Quý/lần	Các khoa LS báo cáo	Thời gian nằm viện trung bình mỗi quý		
4	Chỉ số 9: Công suất sử dụng giường bệnh thực tế tại khoa	Quý/lần	Các khoa LS báo cáo	Công suất sử dụng giường bệnh trung bình 6 tháng/lần		
5	Chỉ số 10: Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về	Quý/lần	P.KHNV	Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về mỗi quý		
6	Chỉ số 13: Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	Quý/lần	K.KSNK	Tỷ lệ tai nạn thương tích mỗi quý		
7	Chỉ số 14: Tỷ lệ tiêm chủng phòng viêm gan B trong NVYT	6 tháng/lần	P.TCHC	Tỷ lệ tiêm chủng phòng viêm gan B của NVYT 6 tháng/lần		
8	Chỉ số 15: Tỷ lệ hài lòng của NVYT	01 lần/năm	P.TCHC	Tỷ lệ hài lòng của NVYT 01 lần/năm		
9	Chỉ số 16: Tỷ lệ hài lòng của NB Nội trú và Ngoại trú đối với dịch vụ khám, chữa bệnh	Quý/lần	P. ĐD	Tỷ lệ hài lòng của NB Nội trú và Ngoại trú mỗi quý		
10	Chỉ số: Cơ sở y tế Xanh-Sạch-Đẹp	6 tháng/lần	P.TCHC	Đánh giá Cơ sở y tế Xanh-Sạch-Đẹp 6 tháng/lần		
11	Chỉ số: Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế, xây dựng cơ sở y tế Xanh Sạch Đẹp, giảm thiểu chất thải nhựa, công khai tài chính hướng tới sự hài lòng người bệnh	01 lần/năm	P.KHNV, K.KSNK, P.TCHC, P.TCKT, P. ĐD	Đánh giá theo phụ lục Kế hoạch số 1205/KH-BYT 1 lần/năm		